

KẾ HOẠCH

Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025

Thực hiện Quyết định số 788/QĐ-BYT ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Kế hoạch bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân đến năm 2025, Ủy ban Nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025 với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Kế hoạch xác định các nội dung, hoạt động, nhiệm vụ chủ yếu và phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị, ngành trên địa bàn tỉnh, các đơn vị trực thuộc Sở Y tế tập trung tổ chức triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân tại tỉnh.

2. Lồng ghép thực hiện các nội dung, hoạt động, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch trong hoạt động của các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch do đơn vị đang triển khai thuộc các lĩnh vực liên quan.

3. Đối với những hoạt động, nhiệm vụ có tính chất đặc thù, ưu tiên hoặc chưa có trong các chương trình, dự án, đề án khác thì đơn vị chủ động lập kế hoạch, xây dựng dự toán kinh phí thực hiện, tổng hợp trong kế hoạch dự toán ngân sách hằng năm của đơn vị để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả, bền vững, hướng tới bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân, góp phần nâng cao sức khỏe cả về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ, chất lượng cuộc sống của người Việt Nam.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về y tế, tập trung công tác xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách, đặc biệt các chính sách đổi mới trong phát triển ngành. Từng bước hoàn thiện hệ thống, sắp xếp bộ máy quản lý và cung ứng dịch vụ y tế tinh gọn để tạo động lực thúc đẩy hệ thống y tế hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả của mạng lưới cung ứng dịch vụ y tế từ trung ương đến cơ sở để đáp ứng với sự thay đổi mô hình bệnh tật, già hóa dân số, hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; thay đổi phương thức chăm sóc sức khỏe cho người dân theo hướng thực hiện chăm sóc sức khỏe chủ động hướng tới phòng bệnh, sàng lọc chẩn đoán bệnh sớm và quản lý bệnh.

- Bảo đảm an ninh y tế, tăng cường năng lực chuẩn bị và ứng phó với dịch bệnh, đặc biệt là phòng, chống dịch bệnh COVID-19 và các bệnh truyền nhiễm mới nổi; ứng phó kịp thời với biến đổi khí hậu, phòng chống, khắc phục hậu quả

thiên tai, thảm họa, các tình huống khẩn cấp về y tế. Từng bước kiểm soát các yếu tố có hại đến sức khỏe liên quan đến ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu, sức khỏe lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp, phòng chống tai nạn thương tích, an toàn thực phẩm, lối sống và hành vi, nâng cao sức khỏe người dân, phòng chống và quản lý hiệu quả các bệnh không lây nhiễm.

- Chủ động duy trì vững chắc mức sinh thay thế, giảm chênh lệch mức sinh giữa các vùng, đối tượng; giảm tỷ lệ sinh con thứ 3, giảm tỷ lệ tảo hôn, đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; nâng cao chất lượng dân số và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Tăng khả năng tiếp cận đến dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em, sức khỏe sinh sản có chất lượng.

- Đổi mới công tác đào tạo, quản lý nguồn nhân lực y tế, nâng cao y đức, xây dựng cơ chế đãi ngộ cán bộ y tế được đãi ngộ xứng đáng. Bảo đảm cân đối hợp lý trong phân bổ, sử dụng nguồn nhân lực y tế giữa các vùng, các tuyến, giữa đào tạo và sử dụng nhân lực y tế.

- Tăng cường công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ cao trong dự phòng, phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh tật; đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, phát huy vai trò công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và hoạt động chuyên môn y tế.

- Phát triển dược liệu, công nghiệp dược và thiết bị y tế. Bảo đảm đủ thuốc, vắc xin, trang thiết bị, sinh phẩm y tế với giá hợp lý, đáp ứng nhu cầu phòng, chữa bệnh của nhân dân. Thực hiện việc kiểm soát an toàn thực phẩm dựa trên đánh giá nguy cơ, sản xuất kinh doanh theo chuỗi, truy suất nguồn gốc.

- Tăng tỷ trọng chi tiêu công cho y tế, >99% dân số tham gia bảo hiểm y tế, giảm chi tiêu tiền túi của hộ gia đình cho chăm sóc sức khỏe, nâng cao hiệu quả trong phân bổ và sử dụng ngân sách và các nguồn lực cho y tế, ưu tiên nguồn lực từ ngân sách cho phát triển y tế dự phòng, y tế cơ sở, vùng nghèo, vùng khó khăn. Đẩy mạnh hợp tác công - tư, đầu tư tư nhân cho y tế, cung cấp các dịch vụ theo yêu cầu, chất lượng cao.

- Xây dựng chiến lược truyền thông giáo dục sức khỏe và đẩy mạnh thực hiện các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi của người dân để người dân chủ động tham gia vào việc duy trì và tăng cường sức khỏe của cá nhân. Nâng cao vai trò và hiệu quả công tác phối hợp liên ngành, đẩy mạnh các hành động đa ngành trong chăm sóc sức khỏe.

3. Các chỉ tiêu cơ bản đến năm 2025

a) Các chỉ tiêu y tế trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến 2025

STT	Chỉ số	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025
1	Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe	%	>95	>95	>95
2	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	99,2	99,3	99,4
3	Số giường bệnh trên 10.000 dân (không bao gồm giường của PKĐK, TYT)	Giường	60,8	59-61	60-61

4	Số bác sỹ trên 10.000 dân	Người	14-15	15-16	15-16
6	Tỷ lệ tăng dân số	%	1,05	1,05	1,05
7	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tuổi	73,8	74	74,5
7a	Trong đó, số năm sống khỏe mạnh				67
8	Tỷ số giới tính khi sinh	Số bé trai /100 bé gái	107	<109	<109
9	Số dược sỹ đại học trên 10.000 dân	Người	2,1	2,6	3,1
10	Số điều dưỡng trên 10.000 dân	Người	18	22	25
11	Tỷ số tử vong mẹ (trên 100.000 trẻ đẻ sống)	Ca	42	42	42
12	Tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi (trên 1.000 trẻ đẻ sống)	‰	12	11,5	11,0
13	Tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi (trên 1.000 trẻ đẻ sống)	‰	18	17,5	17,0
14	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng/tuổi)	%	6,5	6,4	6,3
15	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (chiều cao/tuổi)	%	9,0	8,9	8,8
16	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn đến 2030	%	>95	>95	>95
17	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	%	>95	>95	>95
18	Tỷ lệ trạm y tế xã/phường/thị trấn có bác sỹ làm việc	%	>95	>95	>95
19	Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế (%)	%	>85	>85	>85
20	Tỷ lệ người lao động có nguy cơ được quản lý và khám phát hiện bệnh nghề nghiệp.	%	35	40	50
21	Tỷ lệ chất thải y tế của bệnh viện được xử lý đạt quy chuẩn	%	100	100	100

b) Các chỉ tiêu khác đến năm 2025

STT	Tên chỉ tiêu	Các văn bản của cơ quan Trung ương	Mục tiêu 2025
	Chỉ số đầu vào		
1	Tỷ lệ hộ gia đình có chi phí y tế lớn so với tổng chi tiêu hoặc tổng thu nhập	Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt nam đến năm 2030	

1.1	Tỷ lệ hộ gia đình có chi phí y tế \geq 25% tổng chi tiêu hộ gia đình	Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ	1,8
1.2	Tỷ lệ hộ gia đình có chi phí y tế \geq 10% tổng chi tiêu hộ gia đình	Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ	10
	Chỉ số đầu ra/kết quả		
2	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được cán bộ y tế đỡ	Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ	100
3	Tỷ lệ bao phủ các can thiệp điều trị cho người nghiện các chất ma túy	Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ	Tăng 30% so với 2015
4	Tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi từ 15-49 tuổi áp dụng biện pháp tránh thai hiện đại	Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ	73
5	Tỷ lệ hút thuốc ở nam giới trưởng thành	- Quyết định số 1092/QĐ-TTg ngày 02/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Sức khỏe Việt Nam - Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ	32
60	Tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên sử dụng rượu, bia tới mức nguy hại	- Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ - Quyết định số 5924/QĐ-BYT ngày 29/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam giai đoạn 2021 – 2025	- Giảm 20% so với năm 2015 - Giảm tỷ lệ uống rượu, bia ở mức nguy hại ở nam giới trưởng thành <35%
7	Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch	Quyết định số 1092/QĐ-TTg ngày 02/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ	
	- Nông thôn		100
	- Thành thị		100
8	Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh	Quyết định số 1092/QĐ-TTg ngày 02/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ	
	- Nông thôn		>90
	- Thành thị		>99
9	Tỷ lệ người lao động làm	- Quyết định 659/QĐ-TTg ngày	100%

	việc tại các cơ sở có nguy cơ bị các bệnh nghề nghiệp phổ biến được khám phát hiện bệnh nghề nghiệp	20/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chăm sóc và nâng cao sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp giai đoạn 2020 - 2030	
10	Tỷ lệ các cơ sở lao động có yếu tố có hại gây bệnh nghề nghiệp được quản lý	Quyết định 659/QĐ-TTg ngày 20/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ	100%
	Chỉ số tác động		
11	Chiều cao trung bình thanh niên 18 tuổi	Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới	
	- Nam		167
	- Nữ		156
12	Tổng tỷ suất sinh (Số con bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ)	Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới	2,24 (đến năm 2030: 2,1)
13	Tỷ suất tử vong trẻ sơ sinh trên 1000 trẻ đẻ sống	Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ	<8
14	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể gầy còm	Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ	<5
15	Tỷ lệ nhiễm HIV mới được phát hiện hàng năm trên 100.000 dân	Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ	Giảm 40% so với năm 2015
16	Số ca mắc mới lao trên 100.000 dân	- Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ - Quyết định số 1252/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế	60,2
17	Số ca mắc mới sốt rét trên 1000 dân	Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ	0,08
18	Tỷ lệ tử vong do các bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường và bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ	Giảm 20% so với năm 2015

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Củng cố năng lực chuẩn bị và ứng phó dịch bệnh, đổi mới y tế cơ sở và chăm sóc sức khỏe ban đầu, nâng cao sức khỏe

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp quyết liệt, đồng bộ để ngăn chặn, đẩy lùi và kiểm soát dịch COVID-19; nâng cao năng lực phát hiện, giám sát, xét nghiệm, chẩn đoán và điều trị; thực hiện có hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ. Bảo đảm đủ vắc xin để tiêm phòng cho các đối tượng, bao gồm vắc xin cho trẻ em từ 6 tháng tuổi đến dưới 5 tuổi.

- Bảo đảm an ninh y tế; củng cố, đầu tư nâng cao năng lực cho y tế cơ sở về cơ vật chất, trang thiết bị để bảo đảm công tác phòng, chống dịch COVID-19; tổ chức y tế tuyến xã theo quy mô dân số, bảo đảm vận hành thống nhất hệ thống các cơ sở y tế trên toàn quốc, kết hợp quân dân y trong công tác phòng chống dịch; xây dựng, triển khai mô hình cung cấp dịch vụ phòng chống dịch, y tế dự phòng tại trung tâm y tế tuyến huyện, mô hình tổ chức cung cấp dịch vụ tại cộng đồng về phòng chống dịch, y tế dự phòng tại trạm y tế xã.

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh, không để dịch bệnh lớn xảy ra. Tăng nguồn lực trong nước, trong tỉnh cho công tác phòng, chống HIV/AIDS, bệnh lao, bệnh sốt rét. Củng cố vững chắc hệ thống tiêm chủng, thực hiện tiêm chủng đầy đủ, đúng lịch, an toàn, nhất là ở các “vùng lõm” tiêm chủng. Tăng số vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng phù hợp với khả năng ngân sách. Đẩy mạnh công tác phòng chống bệnh lây truyền từ động vật sang người, bệnh ký sinh trùng.

- Duy trì, củng cố thành quả về giảm tử vong mẹ, giảm tử vong trẻ em và cải thiện tình trạng dinh dưỡng của người dân, thu hẹp khoảng cách giữa các vùng miền và các nhóm đối tượng; nâng cao khả năng tiếp cận của người dân tới các dịch vụ có chất lượng về dự phòng, sàng lọc ở tuyến y tế cơ sở cũng như các dịch vụ khám chữa bệnh chuyên ngành sản phụ khoa, nhi khoa; chú ý tới các can thiệp dự phòng và kiểm soát tốt các bệnh mạn tính không lây như đái tháo đường thai kỳ, ung thư đường sinh sản, cải thiện tình trạng dinh dưỡng của người dân, đáp ứng các nhu cầu về chăm sóc sức khỏe sinh sản của các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương như đồng bào dân tộc thiểu số, vị thành niên, người di cư, người khuyết tật, người cao tuổi, hướng đến đạt được các Mục tiêu Phát triển bền vững năm 2030.

- Giáo dục thay đổi hành vi cho học sinh về dinh dưỡng hợp lý, hạn chế các thực phẩm không có lợi cho sức khỏe; xây dựng thực đơn và tổ chức các bữa ăn bảo đảm dinh dưỡng tại trường học; định kỳ theo dõi tình trạng dinh dưỡng, kiểm tra sức khỏe theo độ tuổi.

- Đổi mới mạnh mẽ cơ chế và phương thức hoạt động của y tế cấp xã để thực hiện vai trò là tuyến đầu, “người gác cổng” của hệ thống y tế, hoạt động theo nguyên lý y học gia đình. Lập hồ sơ sức khỏe cá nhân, định kỳ kiểm tra sức khỏe cho người dân để tăng cường tiếp cận và nâng cao chất lượng dự phòng các bệnh lây truyền từ cha mẹ sang con, phát hiện và quản lý điều trị một số

bệnh không lây nhiễm như tăng huyết áp, đái tháo đường, một số bệnh ung thư có thể dự phòng và sàng lọc phát hiện sớm. Đẩy mạnh thực hiện chăm sóc sức khỏe người cao tuổi dựa vào cộng đồng, chăm sóc dài hạn.

- Thực hiện có hiệu quả các nội dung về y tế trong các Chương trình Mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025: nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Đẩy mạnh thực hiện Chương trình sức khỏe Việt Nam, Phong trào vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục sức khỏe như ăn uống hợp vệ sinh, không hút thuốc lá, thực hiện đồng bộ các giải pháp về phòng chống tác hại của thuốc lá, rượu, bia, đồ uống có cồn khác; tăng cường vận động thể lực, thực hiện 10.000 bước chân mỗi ngày; tạo điều kiện tiếp cận đường đi bộ an toàn, không gian công cộng, cơ sở luyện tập thể dục thể thao; tổ chức các chương trình, mô hình vận động thể lực tại cộng đồng, nơi làm việc, nhà trường.

- Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và giảm muối trong khẩu phần ăn phù hợp cho từng nhóm đối tượng, nguồn nguyên liệu, khẩu vị của người Việt; thực hiện chăm sóc dinh dưỡng cho 1.000 ngày vàng đầu đời theo Quyết định 1896/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Giám sát tình trạng suy dinh dưỡng, bổ sung vi chất dinh dưỡng đầy đủ cho trẻ em dưới 5 tuổi, phụ nữ có thai; cung cấp thực phẩm dinh dưỡng để điều trị trẻ em suy dinh dưỡng cấp tính. Đảm bảo dinh dưỡng hợp vệ sinh, phù hợp điều kiện làm việc cho người lao động.

- Tăng cường giám sát môi trường lao động, giảm thiểu ảnh hưởng tới sức khỏe người lao động; tăng tỷ lệ người lao động làm việc tại các cơ sở có nguy cơ được khám, phát hiện bệnh nghề nghiệp; phòng chống bệnh nghề nghiệp và bệnh liên quan đến nghề nghiệp; chú trọng chăm sóc sức khỏe cho người lao động tại các khu công nghiệp. Đẩy mạnh công tác phòng chống tai nạn thương tích tại cộng đồng.

- Thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của ngành y tế; xây dựng, hướng dẫn, tổ chức triển khai biện pháp giám sát, dự phòng bệnh tật, các vấn đề về sức khỏe con người do ô nhiễm môi trường gây ra. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chuẩn về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt; truyền thông về cải thiện vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn.

2. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và sự hài lòng của người bệnh

- Đẩy mạnh các giải pháp để nâng cao chất lượng dịch vụ y tế ở tất cả các tuyến; thực hiện lộ trình liên thông, công nhận kết quả xét nghiệm; tăng cường đào tạo, luân phiên hai chiều cán bộ y tế, chuyển giao kỹ thuật cho tuyến dưới; đổi mới phong cách, thái độ phục vụ; xây dựng cơ sở y tế xanh - sạch - đẹp, an toàn, văn minh, hướng tới thực hiện chăm sóc toàn diện người bệnh.

- Phát triển kỹ thuật chuyên sâu, hiện đại trong một số lĩnh vực (tim mạch, chấn thương, ghép tạng...); đầu tư phát triển một số trung tâm y tế chuyên sâu; xây dựng một số cơ sở khám, chữa bệnh có tầm cỡ khu vực và thế giới, phân

đầu là một trong các tỉnh có chất lượng dịch vụ cao để thu hút, kết hợp du lịch với chăm sóc y tế.

- Ban hành danh mục dịch vụ kỹ thuật các tuyến phải có đủ năng lực thực hiện, tiến tới bảo đảm chất lượng từng dịch vụ kỹ thuật đồng đều giữa các tuyến. Hoàn thiện hệ thống phác đồ, quy trình, hướng dẫn điều trị y học hiện đại, y học cổ truyền, chuẩn hóa mã bệnh y học cổ truyền, y học hiện đại. Ban hành tiêu chí đánh giá, thực hiện kiểm định độc lập chất lượng bệnh viện theo chất lượng phù hợp với thông lệ quốc gia, quốc tế.

- Tập trung đẩy nhanh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin từ quản lý bệnh viện, giám định bảo hiểm y tế (BHYT), bệnh án điện tử. Đẩy mạnh thực hiện Đề án “Khám, chữa bệnh từ xa” giai đoạn 2020-2025 theo Quyết định số 2628/QĐ-BYT của Bộ Y tế để mọi người dân đều được quản lý, tư vấn, khám bệnh, chữa bệnh, hỗ trợ chuyên môn của các bác sỹ từ tuyến xã đến tuyến Trung ương; người dân được sử dụng dịch vụ y tế có chất lượng của tuyến trên ngay tại cơ sở y tế tuyến dưới.

- củng cố, ổn định và phát triển bền vững mạng lưới chăm sóc sức khỏe bà mẹ-trẻ em/sức khỏe sinh sản. Tăng cường khả năng tiếp cận phổ cập và nâng cao chất lượng chăm sóc, đặc biệt là năng lực hồi sức cấp cứu sản khoa và sơ sinh của cán bộ y tế; năng lực cấp cứu ngoại viện và chất lượng chuyển tuyến của mạng lưới khám chữa bệnh sản, nhi.

- Thực hiện có hiệu quả Quyết định 1893/QĐ-TTg ngày 25/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình phát triển y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại đến năm 2030 và các nhiệm vụ trọng tâm được Thủ tướng Chính phủ giao trong Quyết định.

3. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân số, gắn dân số với phát triển.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp trong Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030 (ban hành tại Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ) và các chương trình, đề án, kế hoạch thực hiện Nghị quyết 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.

- Tiếp tục thực hiện vận động mỗi cặp vợ chồng nên có 2 con, bảo đảm quyền và trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt. Tập trung vận động sinh ít con hơn ở vùng, đối tượng có mức sinh cao; duy trì kết quả ở những nơi đã đạt mức sinh thay thế; sinh đủ 2 con ở những nơi có mức sinh thấp.

- Nâng cao nhận thức, thực hành về bình đẳng giới; đẩy mạnh truyền thông giáo dục chuyển đổi hành vi nhằm giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh. Tạo chuyển biến rõ nét ở những vùng có tỉ số giới tính khi sinh cao.

- Tiếp tục củng cố mạng lưới cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình theo hướng bảo đảm các cơ sở y tế tuyến huyện cung cấp được tất cả các loại dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, các cơ sở y tế tuyến xã cung cấp các dịch vụ kế hoạch

hóa gia đình cơ bản; Đổi mới phương thức cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình theo hướng mở rộng, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của từng nhóm đối tượng; Mở rộng khả năng tiếp cận, sử dụng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục thân thiện với thanh niên; Tăng cường quản lý nhà nước đối với việc cung cấp các dịch vụ phá thai, loại trừ phá thai không an toàn.

- Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới cung cấp dịch vụ dân số toàn diện về quy mô, cơ cấu, chất lượng và phân bố dân số. Phát triển mạng lưới cung cấp các dịch vụ tầm soát, chẩn đoán sớm bệnh tật trước sinh, sơ sinh, hỗ trợ sinh sản, dự phòng vô sinh tại cộng đồng, tư vấn kiểm tra sức khỏe sinh sản trước hôn nhân. Tuyên truyền, phòng chống, hạn chế tới mức thấp nhất hiện tượng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống đối với đồng bào các dân tộc vùng sâu, vùng xa; đặc biệt đối với các dân tộc rất ít người.

- Phát triển mạnh hệ thống chuyên ngành lão khoa trong các cơ sở y tế, khuyến khích phát triển các cơ sở chăm sóc người cao tuổi. Bảo đảm các nhóm dân số đặc thù như trẻ em, người khuyết tật, người bị di chứng chiến tranh, người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số, người di cư... được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả... Đẩy nhanh triển khai thực hiện đăng ký dân số và cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia thống nhất dùng chung đáp ứng yêu cầu quản lý xã hội; cung cấp số liệu đầy đủ, tin cậy và dự báo dân số chính xác phục vụ việc lồng ghép các yếu tố dân số trong xây dựng và thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

4. Phát triển nguồn nhân lực y tế và nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ

- Đổi mới căn bản, toàn diện công tác đào tạo nhân lực y tế, đáp ứng yêu cầu cả về y đức và chuyên môn. Tổ chức thực hiện Hội đồng y khoa cấp tỉnh, tiến tới tổ chức thi, cấp chứng chỉ hành nghề có thời hạn theo quy định của Bộ Y tế.

- Triển khai Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với đào tạo khối ngành sức khỏe ở các trình độ của giáo dục đại học giai đoạn 2020-2025, xây dựng và ban hành các chuẩn năng lực nghề nghiệp, chuẩn chương trình đào tạo cho các ngành đào tạo khối ngành sức khỏe. Xây dựng hệ thống kiểm định chương trình đào tạo đặc thù trong đào tạo lĩnh vực sức khỏe phù hợp điều kiện Việt Nam.

- Thực hiện đãi ngộ xứng đáng đối với cán bộ y tế. Có các chính sách đủ mạnh để khuyến khích người có trình độ chuyên môn làm việc tại y tế cơ sở, các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, biên giới, hải đảo và trong các lĩnh vực y tế dự phòng, pháp y, tâm thần, lao, phong....

- Đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ; tăng cường bồi dưỡng, rèn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ y tế. Chú trọng đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ tuyến y tế cơ sở, đào tạo chuyên ngành y học hiện đại cho cán bộ y học cổ truyền kết hợp trong khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Tăng cường bồi dưỡng, rèn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ y tế. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy chế chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp, xâm hại đến nhân phẩm và sức khỏe thầy thuốc; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn cơ sở y tế.

- Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học - công nghệ y tế, dược, y sinh học. Đẩy mạnh nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong các lĩnh vực dự phòng, điều trị, dược phẩm và trang thiết bị y tế, dược liệu, công nghệ sinh học. Tập trung đầu tư phát triển các trung tâm nghiên cứu chuyên sâu, thành lập trung tâm nghiên cứu Y sinh học miền trung gắn với Trung tâm Đồi mới sáng tạo cấp khu vực.

5. Phát triển sản xuất, cung ứng dược, trang thiết bị y tế; tăng cường quản lý an toàn thực phẩm

- Tăng cường kêu gọi sản xuất trang thiết bị y tế trong tỉnh, trước mắt là các trang thiết bị y tế thông dụng, đồng thời từng bước đẩy mạnh sản xuất trang thiết bị y tế công nghệ cao.

- Đánh giá hiện trạng và nhu cầu trang thiết bị y tế tại cơ sở y tế các tuyến; rà soát, cập nhật danh mục trang thiết bị y tế thiết yếu, xây dựng cơ sở dữ liệu về trang thiết bị y tế cho các cơ sở y tế.

- Nâng cao năng lực mạng lưới kiểm chuẩn và kiểm định trang thiết bị y tế, Tăng cường khai thác sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng và sửa chữa trang thiết bị và hạ tầng y tế.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm, hoàn thành và đưa vào sử dụng để tăng thêm số cơ sở y tế, giường bệnh.

- Bảo đảm nguồn cung ứng thuốc có chất lượng, an toàn, hiệu quả cho công tác chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe nhân dân. Tăng cường thực hiện Đề án Người Việt Nam ưu tiên dùng thuốc Việt Nam. Tăng cường các biện pháp phát hiện và thu hồi thuốc kém chất lượng, phòng chống thuốc giả, xử lý nghiêm khắc các trường hợp vi phạm. Nâng cao năng lực hệ thống kiểm nghiệm, kiểm định thuốc, vắc xin, sinh phẩm, thiết bị y tế. Tăng cường đầu tư tập trung thuốc, thiết bị, hóa chất, vật tư y tế.

- Xây dựng chính sách phát triển công nghiệp dược theo hướng nâng cao năng lực nghiên cứu, chuyển giao công nghệ để đẩy mạnh sản xuất thuốc trong tỉnh, hướng tới xuất khẩu, xây dựng và phát triển các chuỗi nuôi trồng, chế biến dược liệu, nguyên liệu sản xuất dược theo quy mô công nghiệp.

- Đầu tư đủ nguồn lực để làm chủ công nghệ sản xuất vắc xin thế hệ mới, vắc xin tích hợp nhiều loại trong một, cơ bản đáp ứng nhu cầu tiêm chủng mở rộng trong tỉnh, tiến tới xuất khẩu; nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và sản xuất vắc xin để phòng chống COVID-19 và các bệnh dịch khác. Khuyến khích đầu tư sản xuất thuốc, vắc xin, sinh phẩm, thiết bị, vật tư y tế, tham gia ngày càng sâu vào chuỗi giá trị dược phẩm trong đất nước.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, kiểm nghiệm, chứng minh tác dụng của các phương thức chẩn trị, điều trị không dùng thuốc, các bài thuốc, vị thuốc y học cổ

truyền. Hỗ trợ phát hiện, đăng ký, công nhận sở hữu trí tuệ và thương mại hóa các bài thuốc y học cổ truyền; tôn vinh và bảo đảm quyền lợi của các danh y.

- Có chính sách đặc thù trong phát triển dược liệu, nhất là các dược liệu quý hiếm; ưu tiên đầu tư và tập trung phát triển các vùng chuyên canh, hình thành các chuỗi liên kết trong sản xuất, bảo quản, chế biến dược liệu.

- Tăng cường năng lực của hệ thống quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; xây dựng, hoàn thiện các quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thực phẩm. Thực hiện việc kiểm soát an toàn thực phẩm dựa trên đánh giá nguy cơ, sản xuất kinh doanh theo chuỗi, truy xuất nguồn gốc.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm; tăng cường thanh tra, kiểm tra đột xuất và tập trung vào các công đoạn có nguy cơ cao; kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân, cơ sở sản xuất, kinh doanh vi phạm quy định về an ninh, an toàn thực phẩm; kiên quyết không để các cơ sở không đủ điều kiện theo quy định hoạt động.

- Hoàn thiện hệ thống quản lý, triển khai trực tích hợp dữ liệu lĩnh vực an toàn thực phẩm tích hợp vào cơ sở dữ liệu ngành Y tế và các chỉ tiêu kinh tế - xã hội. Xây dựng cơ sở dữ liệu an toàn thực phẩm, thiết lập Hệ thống phần mềm quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu an toàn thực phẩm trên địa bàn một cách tập trung, thống nhất. Phát triển, nâng cấp cơ sở dữ liệu lĩnh vực an toàn thực phẩm toàn tỉnh, kết nối để trao đổi, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu cấp quốc gia và các bộ, ngành, địa phương

6. Cải thiện chất lượng thông tin y tế và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành y tế

- Thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ, Chương trình chuyển đổi số y tế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 5316/QĐ-BYT ngày 22/12/2020 của Bộ Y tế với mục tiêu, tầm nhìn là ứng dụng công nghệ số trong hầu hết các hoạt động, dịch vụ của ngành y tế; hình thành nền y tế thông minh với 3 nội dung chính là phòng bệnh thông minh, khám chữa bệnh thông minh và quản trị y tế thông minh.

- Xây dựng hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh dựa trên các công nghệ số; ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh góp phần cải cách hành chính, giảm tải bệnh viện, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí, hình thành các bệnh viện thông minh. Xây dựng nền tảng quản trị y tế thông minh dựa trên công nghệ số, tích hợp thông tin, dữ liệu, hình thành cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế.

- Xây dựng và triển khai đề án tổng thể ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành y tế, ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động của trạm y tế xã, triển khai lập, quản lý và theo dõi hồ sơ sức khỏe cá nhân và bệnh án điện tử và kết nối các thông tin, dữ liệu quản lý khác như khám, chữa bệnh BHYT, tiêm chủng, quản lý bệnh truyền nhiễm, bệnh không lây nhiễm, quản lý một số thông

tin cốt lõi (xây dựng và củng cố cơ sở dữ liệu thông tin kiểm kê nguồn lực, giám sát tỷ lệ tử vong và phân tích nguyên nhân tử vong...).

- Quản lý hồ sơ sức khỏe người dân, người khuyết tật, tích hợp dữ liệu tham gia, thanh toán BHYT với dữ liệu Bảo hiểm xã hội và mã số định danh công dân, mã cơ sở y tế đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trên phạm vi cả nước;

- Hoàn thành việc kết nối mạng giữa cơ sở khám bệnh và các nhà thuốc, bảo đảm kiểm soát xuất xứ, giá cả thuốc được mua vào, bán ra và việc bán thuốc theo đơn trên toàn quốc.

- Ứng dụng công nghệ thông tin phổ biến tri thức trong phòng bệnh, chữa bệnh và nâng cao sức khỏe; ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong y tế. Tăng cường sự tiếp cận của người dân/người bệnh đến các thông tin sức khỏe, y tế.

7. Đổi mới tài chính y tế và bảo hiểm y tế

- Tăng cường đầu tư và đẩy mạnh quá trình cơ cấu lại ngân sách nhà nước trong lĩnh vực y tế để có nguồn lực triển khai toàn diện công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, nhất là đối với các đối tượng chính sách, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng miền núi, biên giới, đầm phá, ven biển.

- Ưu tiên bố trí ngân sách, bảo đảm tốc độ tăng chi cho y tế cao hơn tốc độ tăng chi ngân sách nhà nước. Tập trung ngân sách nhà nước cho y tế dự phòng, y tế cơ sở, bệnh viện ở vùng khó khăn, biên giới, hải đảo, các lĩnh vực phong, lao, tâm thần...; dành ít nhất 30% ngân sách y tế cho công tác y tế dự phòng.

- Ngân sách nhà nước, BHYT bảo đảm chi trả cho các dịch vụ ở mức cơ bản; người sử dụng dịch vụ chi trả cho phần vượt mức. Xây dựng cơ chế giá dịch vụ và cơ chế đồng chi trả phù hợp nhằm khuyến khích người dân khám, chữa bệnh ở tuyến dưới và các cơ sở y tế ở tuyến trên tập trung cung cấp các dịch vụ chuyên khoa, chuyên sâu và dịch vụ tuyến dưới không cung cấp.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính của các cơ sở y tế công lập theo hướng giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị; giá dịch vụ y tế được tính đúng, tính đủ chi phí và có tích lũy để đầu tư phát triển, bảo đảm công khai, minh bạch, gắn với chất lượng dịch vụ. Tiếp tục hoàn thiện gói dịch vụ cho y tế dự phòng, nâng cao sức khỏe tại tuyến y tế cơ sở.

- Thay đổi hành vi cung ứng dịch vụ theo hướng nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, sử dụng hợp lý và có hiệu quả nguồn lực y tế.

- Xây dựng chính sách để đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực phát triển hệ thống y tế. Đa dạng hóa các hình thức hợp tác công - tư, bảo đảm minh bạch, công khai, cạnh tranh bình đẳng, không phân biệt công - tư trong cung cấp dịch vụ y tế. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở y tế (kể cả trong chăm sóc sức khỏe ban đầu), tập trung vào cung cấp dịch vụ cao cấp, theo yêu cầu. Các cơ sở y tế, cơ sở chăm sóc người cao tuổi hoạt động không vì lợi nhuận được miễn, giảm thuế theo quy định của pháp luật.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp để tăng tỷ lệ người tham gia BHYT, đặc biệt là người tham gia BHYT theo hộ gia đình, người làm nông, lâm, ngư và diêm nghiệp có mức sống trung bình, người lao động trong các doanh nghiệp thực hiện BHYT toàn dân. Nhà nước mua và hỗ trợ mua BHYT cho các đối

tượng chính sách xã hội, người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, người dân tộc thiểu số, người dân sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Nâng cao năng lực, đổi mới công tác giám định BHYT để bảo đảm khách quan, minh bạch. Thực hiện các giải pháp đồng bộ chống lạm dụng, trục lợi, bảo đảm cân đối quỹ BHYT và quyền lợi của người tham gia BHYT, cơ sở y tế.

8. Đổi mới hệ thống tổ chức ngành y tế, tăng cường quản lý nhà nước về y tế

- Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống tổ chức y tế theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn, đồng thời bảo đảm chỉ đạo thông suốt về chuyên môn.

- Hoàn thành việc sắp xếp các đơn vị làm nhiệm vụ y tế dự phòng cấp tỉnh thành hệ thống trung tâm kiểm soát dịch bệnh đồng bộ ở tất cả các cấp và kết nối với mạng lưới kiểm soát bệnh tật khu vực, quốc gia. Sắp xếp lại các đơn vị làm nhiệm vụ kiểm nghiệm, kiểm định để hình thành hệ thống cơ quan kiểm soát dược phẩm và thực phẩm, trang thiết bị y tế phù hợp, hội nhập quốc tế.

- Tổ chức hệ thống trạm y tế xã, phường, thị trấn gắn với y tế học đường và phù hợp với đặc điểm của từng địa phương, là cánh tay nối dài của Trung tâm y tế huyện đa chức năng trong đó dịch vụ cung cấp tại huyện cũng được cung ứng tại xã, giá dịch vụ đảm bảo như nhau và được quỹ BHYT chi trả.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân. Đẩy mạnh phân cấp phân quyền cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc, gắn với tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm vi phạm. Công khai minh bạch trong mua sắm, đấu thầu, xã hội hóa.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và người dân về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của thanh tra ngành y tế. Tăng cường lực lượng, đẩy mạnh công tác bồi dưỡng nghiệp vụ nâng cao năng lực về thanh tra lĩnh vực y tế cho thanh tra viên, công chức thanh tra phù hợp với yêu cầu thực tế của đối tượng thanh tra và nhiệm vụ quản lý nhà nước của ngành.

- Phân tích kết quả xác định chỉ số cải cách hành chính của Bộ Y tế, của tỉnh, đánh giá, làm rõ những hạn chế, yếu kém; xác định nguyên nhân, trách nhiệm và đề ra các giải pháp để cải thiện Chỉ số cải cách hành chính của Bộ Y tế, của tỉnh. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, cung cấp dịch vụ, giảm phiền hà, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp tại địa phương và Bộ Y tế.

- Hoàn thành công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, phần đầu đạt 100% kế hoạch xây dựng các Đề án trình HĐND, UBND theo kế hoạch đề ra.

- Đẩy mạnh phối hợp liên ngành để giải quyết các vấn đề sức khỏe tại trung ương và các địa phương, huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

9. Phát triển y tế gắn với bảo đảm quốc phòng an ninh, sẵn sàng ứng phó với các tình huống khẩn cấp về y tế

- Phát huy thế mạnh y tế của lực lượng vũ trang; tổ chức linh hoạt các mô hình kết hợp quân dân y trong phòng chống dịch bệnh và khám, chữa bệnh phù hợp với điều kiện từng nơi để cung cấp dịch vụ khám, chữa bệnh có chất lượng cho người dân vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

- Xây dựng lực lượng y tế dự bị động viên, lực lượng huy động ngành y tế và bảo đảm y tế khu vực phòng thủ; triển khai xây dựng quy hoạch khu sơ tán theo Quyết định số 1998/QĐ-TTg ngày 12/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

- Triển khai Đề án nâng cao năng lực khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe của các cơ sở y tế khu vực biên giới, biển đảo theo Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 29/4/2020 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 28/9/2018 của Bộ Chính trị. Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp các cơ sở khám chữa bệnh quân dân y khu vực biên giới và các trạm y tế một số xã đảo có vị trí trọng yếu về quốc phòng an ninh; tiếp tục triển khai Đề án phát triển y tế biển, đảo.

- Triển khai công tác dự trữ về y tế, sẵn sàng bảo đảm cho các tình huống thiên tai, thảm họa, dịch bệnh theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Nâng cao năng lực của các cơ sở y tế, xây dựng các tổ, đội y tế cơ động, sẵn sàng ứng phó với thiên tai, bão lũ và các tình huống khẩn cấp khác.

10. Thực hiện công tác truyền thông y tế theo hướng chủ động, minh bạch, kịp thời, chính xác, hiệu quả

- Xây dựng chiến lược truyền thông giáo dục sức khỏe và thực hiện các hoạt động truyền thông cho cộng đồng cung cấp các kiến thức về sức khỏe nhằm thay đổi hành vi của người dân và chủ động tham gia vào việc duy trì và tăng cường sức khỏe của cá nhân.

- Thường xuyên cung cấp thông tin về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, đảm bảo thông tin minh bạch, chính xác, đáp ứng nhu cầu thông tin chăm sóc sức khỏe của người dân.

- Triển khai các chương trình truyền thông giáo dục sức khỏe hướng đến đa dạng các nhóm đối tượng, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ truyền thông 4.0, mạng xã hội trong truyền thông giáo dục sức khỏe, phối hợp triển khai trong các chương trình, đề án y tế, sức khỏe.

- Tăng cường đào tạo nâng cao năng lực và triển khai đồng bộ, ứng dụng hiệu quả truyền thông nguy cơ trong chăm sóc sức khỏe, đặc biệt là trong các dịch, bệnh và các sự kiện y tế công cộng khẩn cấp.

11. Chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế

- Tăng cường hợp tác và chủ động hội nhập, tranh thủ hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo và tài chính của các nước, các tổ chức quốc tế, đặc biệt là ứng phó với đại dịch COVID-19. Tăng cường hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực y dược.

- Chủ động đàm phán và thực hiện có hiệu quả các hiệp định hợp tác song phương và đa phương về y tế. Tích cực tham gia xây dựng các chính sách, giải

quyết các vấn đề y tế khu vực và toàn cầu, nâng cao vai trò, vị thế quốc tế của y học Việt Nam. Tăng cường quảng bá, đưa y dược cổ truyền Việt Nam ra các nước trên thế giới.

- Hòa hòa các thủ tục, quy trình với ASEAN, APEC và thế giới về y tế. Tăng cường xây dựng và áp dụng các chuẩn mực y tế trong nước theo hướng cập nhật với thế giới và khu vực. Phấn đấu hoàn thành các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc về sức khỏe.

IV. KINH PHÍ

- Ngân sách nhà nước: Hàng năm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ trong kế hoạch bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2025 tại tỉnh được cấp hoặc lồng ghép trong kinh phí thực hiện các chương trình, dự án, đề án liên quan của các lĩnh vực. Ngoài ra, đối với những nhiệm vụ có tính chất đặc thù, ưu tiên được bố trí từ nguồn chi ngân sách sự nghiệp Trung ương.

- Huy động cộng đồng, tổ chức trong nước.
- Huy động nguồn kinh phí hỗ trợ của các tổ chức quốc tế.
- Các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

V. THEO DÕI, KIỂM TRA GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Thực hiện các điều tra, khảo sát và thống kê báo cáo số liệu để đánh giá tiến độ và kết quả thực hiện các chỉ tiêu của Kế hoạch.

- Lồng ghép thu thập số liệu trong các điều tra, khảo sát chuyên ngành về các chỉ tiêu thuộc trách nhiệm tổng hợp của ngành Y tế cần phải được thu thập từ hệ thống thông tin y tế thường xuyên, kết hợp với các nguồn số liệu có độ tin cậy khác.

- Phối hợp với các ngành, các lĩnh vực khác để thu thập số liệu, theo dõi, đánh giá tiến độ thực hiện từng lĩnh vực sức khỏe trong Kế hoạch Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2025.

- Tổ chức quản lý cơ sở dữ liệu theo các biểu mẫu, công cụ, quy trình và triển khai lồng ghép thống kê báo cáo thường kỳ về kết quả thực hiện kế hoạch.

2. Tổ chức kiểm tra, giám sát và sơ tổng kết

- Tổ chức các hoạt động kiểm tra giám sát tại cơ sở để theo dõi, đánh giá, hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật cho việc triển khai Kế hoạch Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2025 trong tất cả các lĩnh vực và tại các tuyến.

- Tổ chức các hội nghị lồng ghép với các nội dung phù hợp khác để hàng năm đánh giá tiến độ của từng lĩnh vực trong Kế hoạch; định kỳ tổ chức tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2025 sau từng giai đoạn triển khai.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp các đơn vị triển khai kế hoạch, theo dõi, kiểm tra các hoạt động; tham mưu UBND tỉnh giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có); báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Y tế.

- Căn cứ vào mục tiêu, nhu cầu từng địa phương để xây dựng kế hoạch và phân bổ kinh phí phù hợp.

- Chỉ đạo các đơn vị trong toàn ngành xây dựng kế hoạch, tổ chức tập huấn về chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ được giao; thực hiện giám sát chuyên môn, hỗ trợ tuyến dưới; tổ chức truyền thông, phổ biến về các nội dung chuyên môn trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố: Tham mưu UBND địa phương về xây dựng Kế hoạch Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2025 tại địa phương, đảm bảo các quy định chuyên môn, thực hiện theo tiến độ để đạt kết quả yêu cầu; thực hiện báo cáo đầy đủ, đúng thời hạn.

- Phối hợp với các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tổ chức thực hiện các nội dung trong Kế hoạch Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2025.

2. Bệnh viện Trung ương Huế, Đại học Huế, Trường Đại học Y Dược Huế, Trường Cao đẳng Y tế Huế

- Phối hợp với Sở Y tế tổ chức thực hiện các nội dung trong Kế hoạch Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2025 và Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 09/8/2021 của Tỉnh uỷ về xây dựng Thừa Thiên Huế xứng tầm là một trong những trung tâm y tế chuyên sâu của khu vực Đông Nam Á giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 3553/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU.

- Tăng cường ứng dụng, chuyển giao các kỹ thuật tiên tiến trong khám bệnh, chữa bệnh. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ cao trong dự phòng, phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh tật. Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, phát huy vai trò công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư vào lĩnh vực y tế. Hỗ trợ công tác đào tạo, nâng cao trình độ, chuyển giao khoa học công nghệ, kỹ thuật cho tuyến y tế cơ sở.

- Tăng cường, đổi mới công tác đào tạo, hỗ trợ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ y tế, đặc biệt là những người làm việc tại y tế cơ sở, các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, biên giới, hải đảo.

- Phổ biến các nội dung trong Kế hoạch Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2025 đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và sinh viên, học viên tại đơn vị.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Y tế để thực hiện nội dung dinh dưỡng trong các nhà trẻ, mầm non; vận động phụ huynh phối hợp, tham gia chăm sóc trẻ độ tuổi 0-5 tuổi tại nhà và tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin cho trẻ.

- Tăng cường công tác truyền thông giáo dục sức khỏe sinh sản, phòng chống tác hại rượu bia, phòng chống hút thuốc lá trong nhà trường.

- Thống kê, báo cáo tình hình cho các địa phương nơi quản lý để có biện pháp can thiệp kịp thời.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Y tế thực hiện công tác tuyên truyền về sức khỏe Việt Nam trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông trên địa bàn tỉnh thông tin tuyên truyền về ý nghĩa, lợi ích của kế hoạch bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân đến năm 2025.

5. Sở Văn hóa và Thể thao

- Phối hợp với Sở Y tế và các ban ngành liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện kế hoạch về phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam.

- Chỉ đạo lồng ghép hoạt động vận động thể lực và bảo đảm dinh dưỡng hợp lý với phong trào quần chúng và hoạt động thể thao, văn hóa tại cộng đồng; tăng cường tuyên truyền về lợi ích của hoạt động thể dục thể thao quần chúng đối với sức khỏe.

6. Sở Công thương

- Tăng cường quản lý về sản xuất, kinh doanh các sản phẩm không có lợi cho sức khỏe thuộc lĩnh vực quản lý.

- Đẩy mạnh công tác quản lý bình ổn giá các mặt hàng liên quan đến sức khỏe, y tế trên thị trường.

7. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế kêu gọi các dự án đầu tư phát triển các lĩnh vực về y tế tại tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế tham mưu, huy động nguồn lực để triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định.

8. Sở Tài chính

- Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách nhà nước bố trí kinh phí cho các chương trình, dự án thực hiện kế hoạch theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách; kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí theo đúng quy định hiện hành, hướng dẫn bổ sung kinh phí từ ngân sách.

- Phối hợp với Sở Y tế, ngành liên quan xây dựng cơ chế, chính sách tài chính thúc đẩy xã hội hóa, huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực sức khỏe.

9. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đẩy mạnh tuyên truyền và chỉ đạo việc thực hiện phòng, chống tác hại thuốc lá, rượu bia; chế độ dinh dưỡng hợp lý cho người lao động, đặc biệt là lao động nữ, lao động nữ đang mang thai, đang nuôi con nhỏ, lao động tại các khu công nghiệp, người lao động làm các nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 410/KH-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người có công với

cách mạng, người cao tuổi, trẻ em, người khuyết tật và các đối tượng cần trợ giúp xã hội giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Y tế trong khám phát hiện, quản lý các bệnh nghề nghiệp tại các cơ sở lao động. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục sức khỏe sinh sản, phòng chống tác hại rượu bia, phòng chống hút thuốc lá tại các cơ sở lao động và cơ sở đào tạo dạy nghề. Lồng ghép nội dung thực hiện của chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tại địa phương.

10. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì triển khai bảo đảm an ninh lương thực, thực phẩm sạch đáp ứng nhu cầu cộng đồng.

- Lồng ghép mục tiêu dinh dưỡng vào các chính sách về thực phẩm và nông nghiệp trong thực hiện chuyển đổi, phát triển hệ thống thực phẩm minh bạch, trách nhiệm, bền vững; trong các chương trình đang thực hiện như Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Chương trình không còn nạn đói.

- Lồng ghép hoạt động ứng phó dinh dưỡng trong Kế hoạch quốc gia để chuẩn bị, sẵn sàng ứng phó với thiên tai để sẵn sàng cung cấp thực phẩm, bảo đảm dinh dưỡng cho những khu vực dễ bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu, thiên tai.

11. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế trong việc nghiên cứu, triển khai ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật mới vào lĩnh vực y tế

12. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp Sở Y tế trong công tác sắp xếp, hoàn thiện hệ thống y tế tại tỉnh.

- Tăng cường công tác bồi dưỡng, rèn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ y tế.

13. Sở Ngoại vụ

Chủ trì, phối hợp Sở Y tế trong việc kêu gọi các tổ chức, cá nhân nước ngoài hỗ trợ, phát triển hệ thống y tế.

14. Sở Tư pháp

Phối hợp với Sở Y tế trong việc tham mưu các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh.

15. Bảo hiểm xã hội tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế trong việc thực hiện các nội dung liên quan đến BHYT.

16. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

Phối hợp với Sở Y tế tăng cường mô hình kết hợp Quân dân y trong phòng chống dịch bệnh và khám chữa bệnh cho người dân.

17. Ban Dân tộc

Phối hợp Sở Y tế lồng ghép nội dung thực hiện của chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn.

18. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Triển khai thực hiện Kế hoạch; lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hàng năm của địa phương;

- Ưu tiên bố trí ngân sách để thực hiện; huy động nguồn lực để thực hiện hiệu quả kế hoạch bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân đến năm 2025; đầu tư kinh phí hoạt động về vệ sinh môi trường, nhất là tăng tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh, hộ gia đình sử dụng nước sạch.

- Chỉ đạo Trung tâm Y tế tuyến và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện nội dung kế hoạch bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân đến năm 2025 tại từng địa phương; định kỳ báo cáo kết quả về UBND tỉnh (qua Sở Y tế).

- Chỉ đạo Phòng Văn hóa và Thông tin phổ biến đầy đủ nội dung kế hoạch bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân đến năm 2025.

Trên cơ sở Kế hoạch này, yêu cầu các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế xây dựng Kế hoạch triển khai, dự toán kinh phí thực hiện, định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện cho UBND tỉnh (qua Sở Y tế) trước ngày 05 tháng 12 hàng năm để tổng hợp. Sở Y tế có trách nhiệm tổng hợp báo cáo UBND tỉnh tình hình thực hiện Kế hoạch, định kỳ trước ngày 10/12 hàng năm. Trong quá trình triển khai, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Y tế) để xem xét giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Bệnh viện Trung ương Huế;
- Đại học Huế, ĐHYD Huế, CĐYT Huế;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VP: LĐ và CV: VX, TH;
- Lưu: VT, VH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình